

Bản án số: 283/2018/KDTM-ST

Ngày: 16/10/2018

V/v tranh chấp Hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thái Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Quý
2. Bà Nguyễn Thị Linh Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phan Duy Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Tố Thu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1746/2015/TLST-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2015 về tranh chấp Hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4432/2018/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4900/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần A(tên cũ Công ty Cổ phần B); trụ sở tại: Đường M, phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Bà C, sinh năm 1979, trú tại: Đường Q , Phường R, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH D; trụ sở tại: Đường X , phường T , Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn– Công ty cổ phần A trình bày:

Ngày 24/02/2014 Công ty Cổ phần B nay đổi tên là Công ty Cổ phần A và Công ty TNHH D ký Hợp đồng dịch vụ số: 15/QMH/TERA/2014 trị giá hợp đồng là 525.060.800 đồng; ngày 10/7/2014 hai bên ký tiếp Phụ lục hợp đồng theo đó chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng là 4.937.956 đồng. Sau khi Công Ty Cổ phần B hoàn thành công việc theo hợp đồng, ngày 15/9/2014 hai bên đã ký biên bản nghiệm thu và biên bản thanh lý hợp đồng; Công ty TNHH D có nghĩa vụ thanh toán cho Công Ty Cổ phần B số tiền 529.998.756 đồng. Tính đến tháng 4/2015 Công ty TNHH D đã thanh toán số tiền 327.530.400 đồng còn nợ Công Ty Cổ phần B số tiền 202.468.356 đồng đến nay chưa thanh toán.

Công Ty Cổ phần A yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH D thanh toán số tiền còn nợ là 202.468.356 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 5/2015 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố là 9%/năm.

Bị đơn Công ty TNHH D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 16/10/2018 Công Ty Cổ phần A gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Công ty TNHH D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn; Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, xác nhận công nợ... đã có đủ cơ sở xác định giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã xác lập giao dịch. Trong quá trình thực hiện hợp

đồng Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh.

Căn cứ Điều 85, Điều 87, Điều 306 Luật Thương mại xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Công ty Cổ phần A có đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng dịch vụ với Công ty TNHH D có trụ sở tại Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bị đơn - Công ty TNHH D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Nguyên đơn - Công ty Cổ phần A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn như quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Công ty Cổ phần A đòi Công ty TNHH D trả số tiền dịch vụ còn nợ là 202.468.356 đồng;

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại Tòa; xét thấy, có đủ cơ sở xác định: Ngày 24/02/2014 Công ty Cổ phần B nay đổi tên là Công ty Cổ phần A và Công ty TNHH D có ký Hợp đồng dịch vụ số: 15/QMH/TERA/2014 và ngày 10/7/2014 hai bên ký tiếp Phụ lục hợp đồng; việc thỏa thuận thực hiện dịch vụ giữa Công ty Cổ phần B và Công ty TNHH D phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật Thương mại, nên Hợp đồng dịch vụ số: 15/QMH/TERA/2014 ngày 24/02/2014 và Phụ lục hợp đồng ngày 10/7/2014 ký giữa Công ty Cổ phần B và Công ty TNHH D có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ biên bản nghiệm thu và biên bản thanh lý hợp đồng ngày 15/9/2014; Công ty TNHH D xác nhận có nghĩa vụ thanh toán cho Công Ty Cổ phần B số tiền 529.998.756 đồng và đã thanh toán 327.530.400 đồng; do đó, yêu cầu của Công Ty Cổ phần A đòi Công ty TNHH D trả số tiền còn nợ 202.468.356 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật Thương mại nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét, yêu cầu của Công Ty Cổ phần A đòi Công ty TNHH D trả tiền lãi do chậm trả tiền;

Ngày 15/9/2014, hai bên đã ký Biên bản nghiệm thu và Biên bản thanh lý hợp đồng nhưng đến tháng 4/2015 Công ty TNHH D chỉ trả được

327.530.400 đồng; theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại Công ty TNHH D phải trả tiền lãi chậm trả của số tiền 202.468.356 đồng theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán; Công Ty Cổ phần A chỉ yêu cầu Công ty TNHH D trả tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố 9%/năm là có thiện chí nên có cơ sở chấp nhận; do đó, số tiền lãi Công ty TNHH D phải trả cho Công Ty Cổ phần A từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2018 là 63.777.532 đồng (202.468.356 đồng x 9%/năm : 12 tháng x 42 tháng).

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 5 và Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Công ty TNHH D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền 266.245.888 đồng (202.468.356 đồng + 63.777.532 đồng) phải trả cho Công Ty Cổ phần A là 13.312.294 đồng;

Công ty Cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Công Ty Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.471.708 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2014 0003134 ngày 01/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 74, Điều 85 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 5 và Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn;

Buộc Công ty TNHH D trả cho Cổ phần A số tiền dịch vụ còn nợ là 202.468.356 (hai trăm lẻ hai triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm năm mươi sáu) đồng và tiền lãi là 63.777.532 (sáu mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi hai) đồng. Tổng cộng là 266.245.888 (hai trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm tám mươi tám) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Công ty TNHH D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.312.294 đồng.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần A(tên cũ Công ty Cổ phần B) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.471.708 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2014 0003134 ngày 01/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công ty Cổ phần A và Công ty TNHH D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Quận 1, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thái Hằng